

# Ngày Hội Nghề Nghiệp: Thành Phố Tương Lai

Khám phá thế giới từ vựng Jobs & School Subjects  
qua lăng kính không gian thu nhỏ.





### Tòa nhà = Nghề nghiệp (Jobs):

Mỗi đích đến là một nghề nghiệp.  
Bệnh viện màu trắng, Trường học màu đỏ, Đồn cảnh sát màu xanh.

### Biển báo = Quy tắc (Collocations):

Cách ghép từ chuẩn xác để giao thông ngôn ngữ không bị tắc nghẽn.



### Con đường = Môn học (Subjects):

Những lối đi trang bị kiến thức để dẫn bạn tới tòa nhà mơ ước.

Mỗi từ mới là một viên gạch xây nên thành phố.  
Càng học nhiều, bản đồ của bạn càng rộng lớn!

**I'm a doctor.**  
I help sick people  
feel better.



**I'm a police officer.**  
I keep people safe.



**I'm a cook.**  
I make delicious  
food!



**I'm a teacher.**  
I teach Math and  
Science.



**Khách mời tại Ngày hội Nghề nghiệp của Tom đang giới thiệu về các trụ cột của thành phố.**

**D**  **CTOR**

*/ˈdɒktər/* (n.) Người chữa bệnh.  
Làm việc tại: Hospital.



**N**  **RSE**

*/nɜːrs/* (n.) Người chăm sóc bệnh nhân.  
Làm việc cùng Doctor.



**POLICE**  
 **FFICER**

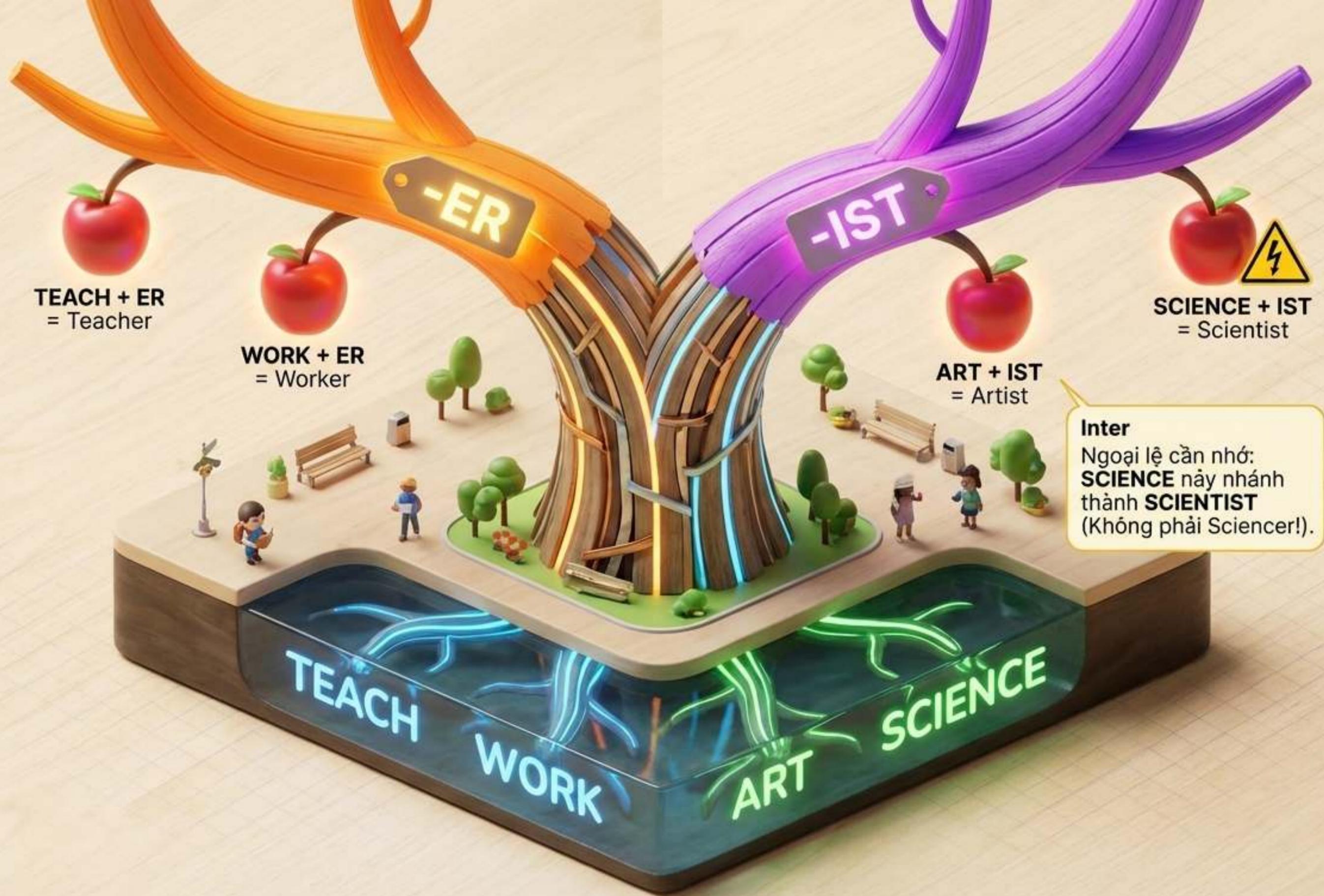
*/pəˈliːs ˈɒfɪsər/* (n.) Người bảo vệ an ninh.  
Mẹo nhớ: Phát âm pơ-LIS vang lên như tiếng còi pi-po pi-po.



Khách mời tại Ngày hội Nghề nghiệp của Tom đang giới thiệu về các trụ cột của thành phố.







TEACH + ER  
= Teacher

WORK + ER  
= Worker

ART + IST  
= Artist

SCIENCE + IST  
= Scientist

**Inter**  
Ngoại lệ cần nhớ:  
**SCIENCE** này nhánh  
thành **SCIENTIST**  
(Không phải Sciercer!).

# Gắn kết chuẩn



# Bánh răng kẹt



# Cạm Bẫy Từ Vựng (False Friends & Traps)

Nunito 3D diagnostic scanner

Công việc chung vs. Chức danh cụ thể

**WORK**  
Không đếm được.  
Nghĩa chung chung.  
(I have a lot of work.)

**JOB**  
Đếm được.  
Nghĩa cụ thể.  
(I have a good job.)

Cấp bậc giáo dục

**TEACHER**  
Giáo viên trường  
phổ thông.

**PROFESSOR**  
Giáo sư đại học.  
Lỗi thường gặp: Gọi mọi  
giáo viên là Professor.

Quá trình vs. Kết quả

**STUDY**  
Nỗ lực học tập  
có chủ đích.  
(I study Math.)

**LEARN**  
Thu nhận được kiến  
thức/kỹ năng.  
(I learned how to swim.)

# Cạm Bẫy Từ Vựng (False Friends & Traps)

Nunito 3D diagnostic scanner



Lý do: Khi nói về nghề nghiệp, móng nhà phải xây bằng động từ BE (is/am/are), không dùng DO (làm).

Lý do: Luôn dùng giới từ AT khi nói về sự thành thạo một môn học.

## Ổ gà số 1: Sai Dạng Từ

- ✗ My mom is a **cooker**.
- ✓ My mom is a **cook/chef**.

Lý do: Thêm -ER không phải lúc nào cũng ra người. COOKER là cái nồi/bếp!



## Ổ gà số 2: Thiếu Mạo Từ

- ✗ I want to be doctor.
- ✓ I want to be **A** doctor.

(Tiếng Anh bắt buộc có a/an trước nghề nghiệp số ít).

## Ổ gà số 3: Lỗi Số Nhiều

- ✗ Many subject.
- ✓ Many subject**S**.

(Many luôn đi kèm danh từ số nhiều).



[Bầu Trời]  
**PILOT** (Phi công)

[Phân xưởng]  
**WORKER** (Công nhân)  
& **ENGINEER** (Kỹ sư)

[Trạm Cứu Hộ]  
**FIREFIGHTER**  
(Lính cứu hỏa)

[Khu Ngoại Ô]  
**FARMER**  
(Nông dân)

Thành phố ngôn ngữ không có giới hạn. Bạn muốn xây thêm công trình nào?

# Thử Thách Xây Đảo (Knowledge Check 1)

Hãy ráp nối các manh mối trực quan để tìm ra từ vựng chính xác.

1



+



Phải gọi chuyên gia nào?

**Doctor**

2



+



Con đường nào dẫn tới đây?

**Art**

3



Hoàn thiện bánh răng:  
"Tom is very good  
[ ? ] Math."

**at**



Máy quét phát hiện lỗi hạ tầng!  
Nghề nghiệp không dùng does.

My sister does a nurse at the hospital.

My sister is a nurse at the hospital.

*What do you want to be?  
And which road will you take to get there?*

**Mỗi môn học là một con đường.  
Mỗi nghề nghiệp là một đích đến.**

To be a good teacher, a great doctor, or a master chef,  
you need the roads of Math, English, and Science to get there.  
Mọi kiến thức đều kết nối với nhau.

